

Số *AMS* /BC-CKMK

Mạo Khê, ngày *19* tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/ tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomín.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 như sau:

Phần thứ nhất: Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:

Năm 2021, Ban kiểm soát công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2021 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo kế hoạch.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021; tình hình thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc công ty với Tập đoàn.
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư.
- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá mức độ hoàn thành.
- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán thống kê, theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD.
- Giám sát các đơn vị trong công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản, kiểm tra việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, khách quan về các nội dung của cuộc họp.

- Kiểm tra và thẩm định các Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý, năm và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu phản ánh được tin cậy.

Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

Phần thứ 2: Kết quả Giám sát

1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động

1.1. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện		So sánh (%)	
				Năm trước	Năm nay	Năm trước	KH năm
A	B	Cái	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Sản phẩm chủ yếu						
I.1	Sửa chữa thiết bị	Tấn	810	1354	1247	92,1	154,0
-	Máy xúc đá	Cái	9	3	3	100,0	33,3
-	Tàu điện	Cái	5	3	8	266,7	160,0
-	Toa xe 30 tấn	Cái	23	60	43	71,7	187,0
-	Sàng các loại	Cái	13	12	1	8,3	7,7
-	Giàn mềm	Bộ	50		200		400,0
-	Băng tải	Bộ	4		7		175,0
-	Cấp liệu lắ	Cái	3				
-	Thiết bị khác	Cái	10	68	27	39,7	270,0
I.2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.415	1529	846	55,3	59,8
-	Máng cào các loại	Bộ	34	35	7	20,0	20,6
-	Xe goòng các loại	Cái	250	484	207	42,8	82,8
-	Ghi đường sắt	Bộ	110	114	84	73,7	76,4
-	Sàng rung + TB tuyển	Cái	11	20	14	70,0	127,3
-	Cấp liệu lắ	Cái	3	6	1	16,7	33,3
-	Băng tải	Bộ	4	9		0,0	
-	Giàn mềm	Bộ	200				
-	Giàn chống khám	Bộ	200		90		45,0
I.3	Chế tạo phụ tùng	Tấn	2.542	2500	2392	95,7	94,1
-	Xích máng cào các loại	Mét	68.000	71.387	61.210	85,7	90,0
-	Cầu máng cào các loại	Cái	5.800	6.479	5.538	85,5	95,5

-	Hàng cơ khí khác	Tấn	1.025	863	990	114,7	96,6
II	Doanh thu	Tr.đ	198.340	197.462	189.394	95,9	95,5
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	„	198.340	196.946	183.613	93,2	92,6
2	Doanh thu KHCN				5.705		
3	Doanh thu tài chính			7	5		
4	Doanh thu khác.	„		509	71	13,9	
III	Giá vốn	"	3.140	6.045	8.183	135,4	260,6
IV	Giá trị sản xuất	"	195.200	191.062	178.313	93,3	91,3
V	Tổng chi phí	"	195.840	195.360	178.959	91,6	91,4
1	Chi phí trung gian	„	155.824	157.894	143.131	90,7	91,9
2	Giá trị gia tăng	„	38.531	37.466	35.828	95,6	93,0
-	Tiền lương	„	28.650	28.557	26.794	93,8	93,5
+	Tiền lương từ SXKD		28.650	28.557	25.815	90,4	90,1
	<i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i>	„	<i>1.322</i>	<i>1.235</i>	<i>943</i>	<i>76,4</i>	<i>71,3</i>
+	Tiền lương từ KHCN				979		
-	BHXH, BHYT, KPCĐ	„	4.711	4.119	4.178	101,4	88,7
-	Khấu hao TSCĐ	„	5.170	4.790	4.594	95,9	88,9
-	Ăn công nghiệp	"	1.485		1.241		83,6
3	Kết chuyển CPĐ và TK		3.140	6.054	8.183	135,2	260,6
V	Lợi nhuận	"	2.500	2.102	2.252	107,1	90,1
VI	Lao động và tiền lương						
1	Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/ngđ	140	140,0	140,0	100	100
2	Lao động bình quân	Người	298	299	268	89,6	89,9
3	Tiền lương bình quân tháng	Ng. đ	8.010	7.959	8.331	104,7	104,0

Đánh giá chung về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Các sản phẩm chủ yếu đều không đạt được như kỳ vọng, đặc biệt chế tạo và cung cấp thiết bị cho khách hàng đạt thấp. Một số sản phẩm như Băng tải, giàn mềm, giàn chống khám gần như không có.

- Doanh thu đạt 95,5% kế hoạch. Năm thứ 2 giảm liên tiếp.

1.2. Thực trạng tài chính tại thời điểm ngày 31/12/năm 2021.

Biểu xác định một số chỉ tiêu tài chính.

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm	Thực hiện		So sánh (%)	
			Năm trước	Năm Nay	Năm trước	Kế hoạch
1	Hệ số về khả năng thanh toán					

a	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,93	0,94	0,94	99,81	101
b	Hệ số khả năng thanh toán nhanh		0,53	0,59	110,72	
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn					
a	Hệ số nợ / Vốn Chủ sở hữu	6,8	6,7	7,5	111,97	110,4
b	Hệ số nợ / Vốn Điều lệ		9,38	10,3	110,18	
4	Hệ số về khả năng sinh lời					
a	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		1,07	0,93	86,52	
b	Tỷ suất sinh lời của tài sản (%)		1,36	1,07	78,63	
c	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (%)		11,72	9,77	83,37	

a. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

+ Lợi nhuận trước thuế : 2.252 triệu đồng, bằng 90,1% kế hoạch năm, bằng 107,1% so với năm trước.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.753 tr. đồng bằng 83,4% so với năm trước.

Nguyên nhân lợi nhuận không đạt kế hoạch:

- Dịch bệnh bùng phát và kéo dài, Công ty phát sinh thêm khoản chi phí cho phòng chống dịch.

- Thiếu việc làm đặc biệt 9 tháng đầu năm, giá trị sản xuất và doanh thu đạt quá thấp. Tổng doanh thu cả năm đạt 95,5% kế hoạch , bằng 96% so với năm trước.

+ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 7,5 lần, bằng 111,4% kế hoạch , bằng 112% so với năm trước.

+ Hệ số khả năng thanh toán đạt 0,94 lần, bằng 101% so với kế hoạch năm, bằng 100% so với năm trước.

+ Dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2021: 63.165 tr. đồng.

Mức vay ngắn hạn bình quân năm: 67.450 tr. đồng, bằng 122,6 % kế hoạch.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm đạt 9,77% bằng 83,37 % so với năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm đạt 1,07% bằng 78,63% so với năm trước.

b. Các chỉ tiêu tài chính không đạt kế hoạch được giao và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Thực hiện các dự án đầu tư:

- Không có dự án, hạng mục hoàn thành trong năm

1.4. Tình hình sử dụng lao động

- **Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:** Tại thời điểm 31/12/2021: Cơ cấu tổ chức Công ty gồm 03 phân xưởng và 05 phòng ban, biên chế lao động cơ bản phù hợp với mô hình mẫu của Tập đoàn.

- **Bố trí lao động:**

LĐ theo khu vực SX	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện	Ghi chú
1. Lao động công nghệ	233	212	
2. LĐ phụ trợ, phục vụ	25	28	
3. Lao động quản lý	40	35	
- Người quản lý	4	3	
- LĐ quản lý	36	32	
Tổng cộng	298	275	

- Lao động bình quân sử dụng trong kỳ 268 người, bằng 89,9% kế hoạch, bằng 89,6% so với cùng kỳ năm trước.

2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính

2.1. Về công tác kế toán:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp phân bổ chi phí chung: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2. Về quản lý tài sản cố định:

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao: Theo đường thẳng.
- Tỷ lệ và mức trích khấu hao nằm trong khung quy định.
- + Tình hình biến động của TSCĐ trong năm (theo nguyên giá TSCĐ):
- Không có biến động.

2.3. Công tác sửa chữa TSCĐ:

- Sửa chữa lớn TSCĐ: Không

2.4. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, vay và thuê tài chính:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn:

Dư đầu năm: 65.500 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 82.911 tr. đồng; tăng 17.412 tr. đồng.
Chủ yếu là phải thu ngắn hạn của khách hàng

Nguyên nhân: Do tập trung tiêu thụ vào tháng 12 nên chưa thu hồi được nợ vào thời điểm cuối năm.

Tồn tại:

- Một số khách hàng có số dư Nợ phải thu quá hạn với giá trị lớn, thời gian kéo dài. Chi tiết như sau:

Số TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu đầu năm	Nợ phải thu cuối kỳ	Thời gian nợ quá hạn
1	Công ty CP đầu tư khoáng sản và dịch vụ - Vinacomin	3.933.451.500	833.451.500	Trên 1 năm
2	Công ty CP XNK COLIMEX 6	2.056.075.000	1.756.075.000	Trên 3 năm
3	Công ty CP đầu tư thương mại và xây dựng Hoàng Lĩnh	564.338.719	534.338.719	Trên 3 năm
4	Công ty TNHH 1 thành viên 27	12.313.950	12.313.950	Trên 3 năm
5	Công ty CP đầu tư xây dựng số 4	3.244.133.019	3.244.133.019	Trên 2 năm
	Tổng cộng	10.997.681.408	6.380.312.188	

- Khoản nợ phải thu khác do cho Công ty than Nam Mẫu vay 04 bộ Máng cào: Giá vốn 1.225 tr. đồng. HĐQT Công ty đã quyết định yêu cầu các cá nhân có liên quan phải bồi thường. Tại ngày 01/1/2021 số dư đang theo dõi tại chỉ tiêu này là giá gốc vật tư còn phải bồi thường số tiền là: 952,3 tr. đồng. Năm 2021 không thu được gì. Như vậy, tiến độ thu khoản này chưa thực hiện đúng theo kế hoạch. Phần giá gốc còn lại cũng không thể đánh giá được khả năng thu hồi một cách chắc chắn.

+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn:

Dư đầu năm: 58.303 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 70.784 tr. đồng; tăng 12.481 tr. đồng.

Nguyên nhân: Do tập trung mua hàng hóa dịch vụ phục vụ sản xuất tháng 12 tăng cao.

+ Vay và thuê tài chính: -tình hình vay và sử dụng vốn vay:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
1. Vay ngắn hạn	61.674	151.766	150.275	63.165
Trong đó: Vay Ngân hàng	48.719	146.741	145.062	50.398
Vay cá nhân	12.955	5.025	5.213	12.767
3. Vay dài hạn	6.623	1.530	3.588	4.565
Tổng cộng	68.298	153.296	153.863	67.730

- Dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12: 63.165 tr. đồng.

- Mức vay ngắn hạn bình quân năm: 67.450 tr. đồng, bằng 122,6 % kế hoạch.

- Tổng chi phí lãi vay trong kỳ: 6.168 tr. đồng.

Trong đó: Lãi vay ngắn hạn: 5.558 tr. đồng.

Lãi vay trung hạn 610 tr. đồng.

- Sử dụng vốn vay: Đúng mục đích.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại: Đảm bảo cho sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục.

2.5. Về công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư:

Tình hình nhập xuất tồn vật tư trong kỳ như sau:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
1. Nguyên vật liệu	13 458	126 622	121 191	18 889
- Nguyên vật liệu chính	12 314	123 149	117 870	17 593
- Nhiên liệu	25	2 462	2 443	44
- Phụ tùng	1119	1011	878	1252
2. Công cụ dụng cụ	927	3108	3135	900

- Công ty đã thực hiện việc mua sắm vật tư, hàng hóa theo Quy chế đã ban hành. Về cơ bản đã tuân thủ theo các quy định như chào hàng cạnh tranh, đấu thầu và các quy định của Pháp luật.

Tồn tại:

- Lượng vật tư mua dùng cho sản xuất thường xuyên dư thừa gây tồn kho lớn, nhiều chủng loại bị ứ đọng, chậm luân chuyển.

+ Tồn kho vật tư vượt định mức (15,58% so với định mức 6%, vượt hơn 2,5 lần)

- Một số vật tư tồn kho, chậm luân chuyển có dấu hiệu kém, mất phẩm chất không được xem xét xử lý có thể gây tổn thất tài chính.

2.6. Công tác thuê ngoài:

Công ty có thuê ngoài một số dịch vụ đáp ứng yêu cầu của sản xuất (Do không có đủ năng lực thực hiện).

Nội dung công việc thực hiện chủ yếu : thuê ngoài vận chuyển phục vụ giao hàng, sửa chữa phụ tùng toa xe 30 tấn.

2.7. Công tác quản lý sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi.

+ Sử dụng quỹ tiền lương:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
Tổng số	3 284	26 010	24 750	4 545
Trong đó: Lương NLD	2 892	25 067	23 723	4 236
Lương VCQL	392	943	1 027	308

- Tiền lương chi cho các đối tượng quản lý và phục vụ còn cao (chiếm >70 tiền lương sản phẩm).

+ Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi: Phù hợp với quy chế.

2.8. Công tác quản lý ĐTXD:

- Thực hiện đầu tư theo kế hoạch: Không có hạng mục hoàn thành tăng tài sản trong năm.

2.9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

+ Dư đầu năm: 38.378 tr.đồng; Dư cuối kỳ: 31.082 tr.đồng; giảm 7.296 tr.đồng.

- Khoản mục chi phí sản xuất dở dang ghi nhận một số sản phẩm, công trình dở dang kéo dài, khó tiêu thụ gây tổn thất tài chính.

TT	Tên sản phẩm, công trình	Dư đầu năm	Dư cuối năm
1	Bích giữa 704-122C8	138.592.968	138.592.968
2	Sàng rung SR 62	406.522.849	354.833.484
3	Ru lô đầu băng, đuôi băng, cụm ru lô chuyển hướng	495.556.954	495.556.954
4	Cấp liệu lác 400T/h	725.793.925	554.911.282
5	Phụ tùng máng cào theo máy khâu	728.271.132	565.225.304
	Tổng cộng	2.494.737.828	2.109.119.992

- Tại kho bán thành phẩm đang ghi nhận một số bán thành phẩm sản xuất tồn kho lâu ngày nay đã lạc hậu, kém, mất phẩm chất, khó tiêu thụ, khó thu hồi được vốn.

TT	Tên sản phẩm, công trình	ĐV	SL	Giá trị
1	Sửa chữa tời trục mở SJ - 1600 số 1 Mạo Khê	cái	1	37.063.263
2	Bộ khung đầu máng cào MC280/7,5	Bộ	1	79.671.665
3	Bộ khung đuôi máng cào MC280/7,5	Bộ	1	14.938.511
4	Bích giữa 704 - 122C8	Cái	225	37.960.317
5	Cầu máng cào 280/7,5	Cầu	92	80.483.078
6	Cầu máng cào trung gian MC 280/7,5	Cầu	2	1.325.805
7	Cầu máng cao trung gian MC 280/7,5 (L = 0,3m)	Cầu	2	677.294
8	Cầu máng cào 630/2x75, L = 1,2m	Cầu	65	267.091.762
9	Cầu nối đầu MC 280/7,5	Cầu	2	1.899.728
10	Cầu máng cào chuyển tiếp đuôi MC 630/190	Cầu	1	4.699.794
11	Cầu máng cào chuyển tiếp đầu MC 630/190	Cầu	1	4.546.866
12	Đầu nối trục bộ làm mát xỉ	cái	3	98.862.619
13	Giàn chống cơ giới hóa VIN 16/24K	Bộ	1	196.290.504
14	Gối đỡ phụ máng cào 280/7,5	Cái	1	1.931.846
15	Gối đỡ phụ MC 320/17	Cái	6	13.757.734
16	Gối đỡ trục gỗ - NĐ Đông Triều	Cái	10	3.273.752
17	Giá kê sản phẩm - Cty TNHH ITV 27	cái	60	122.520.828
18	Khung đầu máng cào 280/7,5	cái	1	3.852.077
19	Khung đuôi MC 280/7,5	Cái	1	2.003.990
20	Máy nhật đá trên băng	Cái	1	149.595.031
21	Máy trộn than MTT 60/22	cái	1	189.147.604
22	Máy tắm	Cái	1	71.145.115
23	Nhà điều hành Tập đoàn than tại Quảng Ninh	CT	1	2.997.840.427
24	Chi tiết kết cấu thép mái sảnh, mái dốc	Cái	136	900.143.885

25	Phụ tùng tang tuyến huyền phù tự sinh	Cái	9	15.649.090
26	Ru lô đuôi MC 320/17B	Cái	5	13.195.119
27	Ru lô đuôi MC 280/7,5	Cái	1	1.646.924
28	Sửa chữa tang tuyến HSTS	Cái	1	655.841.257
29	Sửa chữa HGT quang lật nghiêng	Cái	1	55.658.020
30	Sửa chữa xe chở người lò nghiêng XRB	Toa	3	342.846.483
Tổng cộng:			636	6.365.560.388

3. Việc chấp hành và thực hiện các quy chế, quy định, quyết định, kỷ luật điều hành của TKV tại Công ty.

3.1. Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật DN, Điều lệ TCHĐ và Quy định của TKV. Đầu năm đã xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm và tổ chức thực hiện các nội dung theo chương trình đề ra. Thực hiện Phân công theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên.

- Duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo nắm bắt tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp đối với những vấn đề quan trọng của Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Giám đốc tăng cường công tác quản lý, tăng cường việc khắc phục những tồn tại theo kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty.

Tồn tại:

- Chậm kiện toàn và bố trí cán bộ quản lý theo thẩm quyền. (Khuyết Kế toán trưởng 2 năm)

3.2. Đối với Ban lãnh đạo điều hành: Đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ pháp luật và các quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của TKV. Thực hiện các công việc quản lý điều hành công ty theo quy định.

Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- + Một số lĩnh vực quản lý chưa được quản trị chặt chẽ như: Vật tư tồn kho vượt định mức, sản phẩm dở dang, tồn đọng lớn không tiêu thụ được, công nợ phải thu quá hạn lớn, kéo dài, vay vốn lưu động vượt định mức.

- + Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công việc quản lý công ty chậm.

4. Cảnh báo những rủi ro trong kinh doanh của Công ty

Theo đánh giá của Kiểm soát viên Công ty. Tình hình tài chính của công ty ngày càng khó khăn do sản xuất bị suy giảm; Vay nợ nhiều, chi phí lãi vay lớn. Sản xuất kinh doanh ít hiệu quả.

Công ty cần lưu ý một số tồn tại, tiềm ẩn rủi ro sau đây:

- Thực hiện thu hồi các khoản nợ quá hạn rất chậm gây tổn thất tài chính dẫn đến khả năng mất vốn kinh doanh.

- Một số vật tư tồn kho, chậm luân chuyển có dấu hiệu kém, mất phẩm chất không được xem xét xử lý có thể gây tổn thất tài chính.

- Một số sản phẩm, công trình dở dang kéo dài nhiều năm không tiêu thụ được dẫn đến hư hỏng, kém mất phẩm chất gây tổn thất tài chính, không đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Các vấn đề khác theo quy định:

Đề nghị/kiến nghị Công ty:

1. Khẩn trương hoàn thiện các quy chế quản lý để áp dụng điều hành công ty.

2. Tăng cường công tác quản trị công ty trên các lĩnh vực:

2.1. Công nợ:

- Tích cực thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản nợ quá hạn dài ngày.

2.2. Công tác vật tư và Hàng tồn kho:

- Thực hiện việc mua sắm vật tư đảm bảo đủ cho sản xuất, giảm tồn kho.

- Rà soát, đánh giá và xử lý những vật tư ứ đọng, sản phẩm dở dang, bán thành phẩm tồn đọng lâu ngày có dấu hiệu kém phẩm chất xử lý theo quy định.

Phần thứ 3: Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2021:

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, tham gia với HĐQT, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty, bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Tăng cường kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý. Kiểm soát nhằm hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, đặc biệt là các cổ đông đã luôn tin tưởng và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Kính chúc các quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống, luôn dành thật nhiều tâm huyết cho sự phát triển của Công ty./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Người công bố TT;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

